

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 26-02-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Chí Lin,

2/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 668/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 198 Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Mai Hồng P, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* 1/ Ông Trương Đình H, sinh năm: 1985. (xin vắng mặt); Địa chỉ: Ô 5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. 2/ Nguyễn Phú V, sinh năm 1970 (vắng mặt). Địa chỉ: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2018, và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Vào ngày 07/7/2018, bà có cho Bà Mai Hồng P mượn số tiền 160.000.000 đồng, hai bên có viết giấy tay, không tính lãi suất, thời hạn mượn là 2 tháng, góp mỗi tháng 5.000.000 đồng, sau này Bà P bán tài sản sẽ trả hết 1 lần số tiền còn

lại. Từ đó đến nay, Bà P chưa trả số tiền 160.000.000 đồng cho bà, mặc dù bà nhiều lần yêu cầu Bà P trả.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu Bà Mai Hồng P và ông Nguyễn Phú V là chồng của Bà P cùng liên đới trả số tiền là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trương Đình H là chồng của bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Ông có biết việc Bà T cho Bà P mượn số tiền 160.000.000 đồng. Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của Bà T, ông đồng ý để Bà T đứng đơn khởi kiện và cam kết không khiếu nại, đồng thời xin xét xử vắng mặt vì bận công việc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng Bà Mai Hồng P, ông Nguyễn Phú V vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 16/10/2018, bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Bà Mai Hồng P trả số tiền vay là 160.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/7/2018. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn Bà Mai Hồng P có hộ khẩu thường trú tại Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Bà Mai Hồng P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú V đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Qua yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của Bà T và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào giấy tay do hai bên lập ngày 07/7/2018, xác định bà Nguyễn Thị Cẩm T có cho Bà Mai Hồng P mượn số tiền 160.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn mượn là 2 tháng, góp mỗi tháng 5.000.000 đồng, sau này Bà P bán tài sản sẽ trả hết 1 lần số tiền còn lại. Mặc dù Bà T đã nhiều

lần yêu cầu trả nợ nhưng Bà P vẫn không trả. Tại phiên tòa hôm nay, Bà P, Ông V vắng mặt, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến đối với việc yêu cầu của Nguyên đơn. Do đó Bà T yêu cầu Bà P và chồng của Bà P là ông Nguyễn Phú V liên đới trả số tiền là 160.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bà T không yêu cầu lãi suất phát sinh do chậm trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P, Ông V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với Bà Mai Hồng P và ông Nguyễn Phú V về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Bà Mai Hồng P và ông Nguyễn Phú V có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền là 160.000.000 đồng – một trăm sáu mươi triệu đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà P và Ông V liên đới nộp 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003651 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Hồng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Bình An

